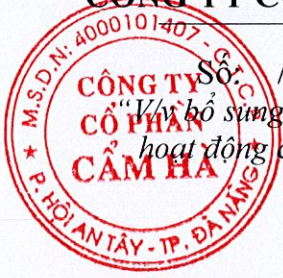


CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.



Số: /TTr- HĐQT

"V/v bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cẩm Hà"

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cẩm Hà"

Kính trình : **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cẩm Hà**

- Căn cứ luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cẩm Hà nhằm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt; đồng thời giao Hội đồng quản trị hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC:
TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẨM HÀ
(Kèm theo Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty cổ phần Cẩm Hà ngày 24/4/2026)

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
Căn cứ	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;</p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p>	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; <u>Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; <u>Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;</u></p>
Điều 1	<p>- tại điểm d: “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.</p> <p>- tại điểm m: “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.</p> <p>- tại điểm q: ““Người quản lý doanh nghiệp” là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>- tại điểm r: Người có liên quan là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi:</p> <p>- tại điểm d: “Luật Doanh nghiệp có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025, số 76/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2025</u></p> <p>- tại điểm m: Cổ tức là khoản lợi nhuận <u>sau thuế</u> được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác</p> <p>- tại điểm q: “Người quản lý doanh nghiệp” là <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng</u></p> <p>- tại điểm r: Người có liên quan là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 46 <u>Điều 4 Luật Chứng khoán.</u></p>
Điều 2	<p>- Trụ sở Công ty: 448-Hùng Vương - Phường Thanh Hà- Thành phố Hội An - Tỉnh Quảng Nam.</p> <p>- Địa chỉ chi nhánh: Lô 3, Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.</p>	<p>Địa chỉ trụ sở và Chi nhánh Công ty cần cập nhật lại theo địa giới hành chính mới:</p> <p>- <u>Trụ sở Công ty: 448-Hùng Vương - Phường Hội An Tây - Thành phố Đà Nẵng.</u></p> <p>- <u>Địa chỉ chi nhánh: Lô số 3, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng.</u></p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
Điều 3	Khoản 4 Điều 1 Luật Doanh nghiệp năm 2025 quy định: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.”	<p>- Sửa đổi mục 1 khoản a điều 3: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Công ty, ký các văn bản điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày <u>và là chủ tài khoản ngân hàng của Công ty theo pháp luật Việt Nam, Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty.</u></p> <p>- Sửa đổi mục 4 điều 3. Các quyết định của bất cứ người đại diện theo pháp luật nào đều có giá trị thực hiện, nhân danh Công ty. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật nào vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này thì chịu trách nhiệm cá nhân <u>theo quy định của pháp luật đối với những thiệt hại cho Công ty do các quyết định của người đại diện theo pháp luật đó gây ra</u></p>
Điều 17	Khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp năm 2025 quy định: “Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.”	<p>Đề nghị bổ sung thêm mục 4 tại Điều 17:</p> <p>4. <u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
Điều 23	<p>Khoản 21 Điều 1 Luật Doanh nghiệp 2025 quy định: “21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 141 như sau:</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.”</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung tại điểm 1 Điều 23:</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, <u>sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</u> của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>
Điều 29		<p>- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 27 Luật số 68 thì nội dung quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, Điều 29 Điều lệ chưa quy định nội dung này nên cần bổ sung để bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung mục h tại khoản 2 Điều 29:</p> <p>“Điều 29. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>[...]</p> <p>h) <u>Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty.</u>”</p>
Điều 30	<p>Khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2022 quy định:</p> <p>“5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 148 như sau:</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp năm 2022 đã sửa đổi cụm từ: “<u>tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u>” tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thành: “<u>tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>”</p> <p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 30:</p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
	<p>thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:</p> <p>[...]</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.”.</p>	<p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan</p> <p>“1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của</p> <p>tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này:</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất bằng 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.”</p>
Điều 37	<p>Khoản 5, Điều 37:</p> <p>5) Không thuộc đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật doanh nghiệp (áp dụng đối với Công ty con của Tổng công ty, không áp dụng đối với các Công ty cổ phần khác).</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 5, Điều 37</p> <p>“Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>[...]</p> <p>5. <u>Tuân thủ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật doanh nghiệp.</u></p>
Điều 40	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 158 như sau:</p> <p>“2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung điểm i khoản 1 Điều 40:</p> <p>“Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>i. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u>”.</p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
	quan.”.	
Điều 44	<p>Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc</p> <p>1. Công ty thực hiện việc trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị; trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả hoạt động và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị làm việc thường xuyên trực tiếp tại Công ty được hưởng thù lao hàng tháng và thưởng; Thành viên Hội đồng quản trị không làm việc thường xuyên trực tiếp tại Công ty được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày.</p> <p>b) Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>c) Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Nghị định 248/2025/NĐ-CP quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước</p> <p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung</p> <p>“Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc</p> <p>1. Công ty thực hiện việc trả <u>tiền lương, thù lao, tiền thưởng</u> cho thành viên Hội đồng quản trị; trả <u>tiền lương, tiền thưởng</u> cho Giám đốc và người quản lý khác theo <u>Quy chế của Công ty và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</u>.</p> <p>2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị làm việc thường xuyên trực tiếp tại Công ty được hưởng <u>tiền lương, thù lao hàng tháng và tiền thưởng</u> theo Quy chế của công ty và theo kết quả nhiệm vụ được giao;</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị không làm việc thường xuyên trực tiếp tại Công ty được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng.</p> <p>- Thành viên HĐQT đồng thời là thành viên Ban điều hành thì hưởng <u>tiền lương, tiền thưởng</u> theo chức danh Ban điều hành và <u>thù lao</u> theo chức danh Thành viên HĐQT. <u>Tiền lương, thù lao</u> được tính theo <u>số ngày công cần thiết, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Tiền lương hàng tháng, thù lao công việc và tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị được xác định và chi trả theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Công ty.</u></p> <p>b/ Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>c/ Giám đốc được trả lương và thưởng.</p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
		<i>Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế của Công ty</i>
Điều 48	<p>Theo mục 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP quy định: “84. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 5 Điều 293 như sau: "3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây: a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng; b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều này. c) Trường hợp pháp luật có quy định khác. 4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 48: thêm mục d và e vào khoản 1; bổ sung thêm nội dung khoản 2; sửa đổi mục c khoản 3, như sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây: [...] <u>d. Khi cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trong trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</u> <u>e. Khi cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông mà Công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Công ty theo định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (<u>trừ trường hợp giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất</u>). Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội</p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
	<p>tại khoản 2 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b) <u>Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; <p>c) <u>Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p> <p>5. <u>Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty."</u></p>	<p>đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây: a,b điều lệ giữ nguyên [...]</p> <p>c. <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất nhưng không dẫn đến tổng giá trị giao dịch vay hoặc bảo lãnh phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế có giá trị.</u></p>
Điều 56		<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung thêm khoản 4 tại Điều 26:</p> <p><u>4. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị thực hiện báo</u></p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
		<i>cáo khác theo quy định của pháp luật.”</i>
Điều 57	<p>“Điều 57. Công khai thông tin Công ty [...] 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định tại Điều 109, 110 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 57s “Điều 57. Công khai thông tin Công ty [...] 3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.”</p>
Điều 59	<p>Mục a, khoản 2 tại điều 59: 2. Chế độ hạch toán kế toán: a/ Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo Luật Kế toán và Luật Thống kê hiện hành.</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi mục Mục a, khoản 2 tại điều 59: 2. Chế độ hạch toán kế toán a/ Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Luật Kế toán và văn bản hướng dẫn.</p>
Điều 60	<p>Mục 3 điều 60: 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Sửa đổi mục 3 điều 60: Bỏ từ “ Bản sao” 3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p>
Điều 63	<p>Điều 63: Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty. Công ty phải lưu giữ tại trụ sở chính các tài liệu sau đây: 1. Điều lệ Công ty; các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; 2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các loại giấy chứng nhận khác. 3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các quyết định của Công ty. 5. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán. 6. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 63 Công ty phải lưu giữ tại trụ sở chính các tài liệu sau đây: 1. Điều lệ Công ty; các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; <u>sổ đăng ký cổ đông</u>. 2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các loại giấy chứng nhận khác. 3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty. 4. <u>Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các quyết định của Công ty.</u> 5. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán. 6. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.</p>

Điều, khoản Điều lệ	Nội dung theo Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 và các quy định pháp luật liên quan
	7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	7. <u>Bản cáo bạch (nếu chào bán/niêm yết chứng khoán)</u> 8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Điều 65	Điều 65: Tiền lương, tiền thưởng của người lao động. 1. Người lao động được trả lương theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và theo trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả làm việc của mình.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65: “Điều 65. Tiền lương, tiền thưởng của người lao động 1. Người lao động được trả lương theo <u>Quy chế trả lương</u> , hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và theo trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả làm việc.
Điều 66	Điều 66: Tổ chức lại Công ty Công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.	Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 66: Điều 66: Tổ chức lại Công ty <i>Công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật khác có liên quan và quy định của Chính phủ.”.</i>